

CÔNG TY TNHH HNLC VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HNLC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HNLC VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HNLC VIETNAM CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110419019

3. Ngày thành lập: 17/07/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 175, ngõ 663 đường Trương Định, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904075355

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ đầu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ đầu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ đầu giá)	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ đầu giá)	4543
12.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (Loại trừ đầu giá)	4610
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
14.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
15.	Bán buôn thực phẩm	4632
16.	Bán buôn đồ uống	4633
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

19.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669(Chính)
27.	Dịch vụ đóng gói	8292
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Loại trừ đấu giá) Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh	8299
29.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
30.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
31.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
32.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
33.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
34.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
35.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
36.	Lập trình máy vi tính	6201
37.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
38.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
39.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
40.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
41.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa (Loại trừ hoạt động về chứng khoán)	6612
42.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
43.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Loại trừ đấu giá)	6820
44.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
45.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
46.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
47.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212

48.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
49.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
50.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
51.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
52.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
53.	Cho thuê xe có động cơ	7710
54.	Bán buôn tổng hợp	4690
55.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
56.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
57.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
58.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
59.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
60.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
61.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
62.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
63.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
64.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
65.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
66.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
67.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
68.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
69.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
70.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
71.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
72.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
73.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
74.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
75.	In ấn	1811
76.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
77.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
78.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
79.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013

80.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
81.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
82.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
83.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
84.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
85.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
86.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
87.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
88.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
89.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
90.	Đúc sắt, thép	2431
91.	Đúc kim loại màu	2432
92.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
93.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ đầu giá)	4774
94.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
95.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
96.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
97.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
98.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
99.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
100.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ đầu giá)	4791
101.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ đầu giá)	4799
102.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
103.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
104.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
105.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
106.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
107.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
108.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
109.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
110.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

111.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
112.	Bốc xếp hàng hóa	5224
113.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
114.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
115.	Bưu chính	5310
116.	Chuyến phát	5320
117.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
118.	Cơ sở lưu trú khác	5590
119.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
120.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
121.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
122.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
123.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
124.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
125.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
126.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
127.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
128.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Theo quy định tại Nghị định số 23/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/3/2021 quy định chi tiết Khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm)	7810
129.	Đại lý du lịch	7911
130.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
131.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
132.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
133.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
134.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
135.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
136.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
137.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
138.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
139.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
140.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

141.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
142.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
143.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
144.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
145.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
146.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
147.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
148.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
149.	Tái chế phế liệu	3830
150.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
151.	Xây dựng nhà để ở	4101
152.	Xây dựng nhà không để ở	4102
153.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
154.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
155.	Xây dựng công trình điện	4221
156.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
157.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
158.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
159.	Xây dựng công trình thủy	4291
160.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
161.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
162.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
163.	Phá dỡ	4311
164.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
165.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
166.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
167.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
168.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
169.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
170.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
171.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
172.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

173.	Bán lẻ bằng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
174.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
175.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
176.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
177.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
178.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: **VĂN HUY HOÀNG**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *10/03/1982*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *040082000166*

Ngày cấp: *25/04/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ dân phố số 2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 55 ngõ 199 Hồ Tùng Mậu, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VĂN HUY HOÀNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *10/03/1982*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *040082000166*

Ngày cấp: *25/04/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ dân phố số 2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 55 ngõ 199 Hồ Tùng Mậu, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội